

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án: Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hóa (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hóa), huyện Hoàng Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hóa (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hóa), huyện Hoàng Hóa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4233/SKHĐT-TĐ ngày 24/6/2022 về việc đề nghị phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký tham gia thực hiện dự án: Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hóa (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hóa), huyện Hoàng Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hóa (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hóa), huyện Hoàng Hóa, với nội dung cụ thể như sau: *Có phụ lục kèm theo.*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định thời điểm công bố danh mục dự án và thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư; đồng thời, công bố danh mục dự án nêu trên lên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia và thực hiện các bước tiếp theo trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. Trường hợp trong thực hiện có nội dung vượt thẩm quyền, báo cáo đề xuất UBND tỉnh để giải quyết theo quy định.

2. Giao UBND huyện Hoàng Hóa tổ chức dịch nội dung yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hóa (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hóa), huyện Hoàng Hóa được phê duyệt tại Quyết định này từ tiếng Việt sang tiếng Anh trong vòng 03 ngày làm việc (kể từ ngày ban hành Quyết định này), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để công bố danh mục dự án nêu trên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(M1d86)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ
ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

**Tên dự án: Khu đô thị sinh thái ven sông Hoằng Hoá (Khu đô thị Aqua
city Hoằng Hoá), huyện Hoằng Hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa).*

Chương I

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa mời các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hoá (Khu đô thị Aqua City Hoàng Hoá), huyện Hoàng Hóa.

2. Thông tin về dự án:

2.1. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án:

a) Mục tiêu của dự án:

Hiện thực hóa Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, chỉnh trang và tạo không gian kiến trúc cảnh quan, không gian sống đảm bảo đầy đủ tiện nghi cho dân cư mới; xây dựng khu đô thị hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; nâng cao môi trường sống khu dân cư và hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư; khai thác hiệu quả quỹ đất hiện có trên địa bàn, tạo nguồn thu cho ngân sách để phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoàng Hóa.

b) Quy mô đầu tư:

- Diện tích sử dụng đất: 47,68 ha theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hóa (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hóa) được Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa phê duyệt tại Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 14/01/2022.

- Quy mô xây dựng

Thực hiện đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hóa (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hóa) được UBND huyện Hoàng Hóa phê duyệt tại Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 14/01/2022, cụ thể như sau:

+ Đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: San nền; hệ thống giao thông (trừ diện tích tuyến đường nối Quốc lộ 10 đi Cầu Bút Sơn đã được đầu tư xây dựng và một phần đất dân cư hiện trạng); hệ thống thoát nước mưa, nước thải; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng; cải tạo lòng sông và kè 2 bên bờ sông Goòng; công viên cây xanh, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật đầu môi (khu xử lý nước thải), với diện tích khoảng 47,68 ha (riêng phần diện tích 2 khu đất tín ngưỡng TN1 diện tích 724 m² và TN2 diện tích 1.272 m², thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư bàn giao lại cho Nhà nước quản lý và đầu tư theo quy định) và cải tạo mặt đường tuyến Đường nối Quốc lộ 10 đi Cầu Bút Sơn đã đầu tư.

+ Đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng xã hội trong phạm vi thực hiện dự án bao gồm: Nhà văn hóa, trường mầm non (GD-01, GD-02).

+ Đầu tư xây thô và hoàn thiện mặt trước các khu nhà ở liền kề theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt và quy định của UBND tỉnh tại Công văn số 2501/UBND-CN ngày 24/02/2022.

+ Đầu tư xây dựng các công trình thương mại thuộc dự án: Công trình dịch vụ thương mại TM-01, TM-02, TM-03 theo quy hoạch.

+ Đối với phần diện tích đất bố trí tái định cư (TĐC-01, 02, 03, 04 theo quy hoạch): Sau khi đầu tư hoàn thành, đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư bàn giao cho Nhà nước để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất phải di chuyển giải phóng mặt bằng theo quy định.

+ Đối với phần diện tích đất quy hoạch là đất cơ quan (CQ-01): Sau khi đầu tư hoàn thành, đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư bàn giao cho Nhà nước để đầu tư xây dựng theo quy định.

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị: Có.

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích Quốc gia, di tích Quốc gia đặc biệt: Không.

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt: Không.

c) Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở: 1.107 lô đất ở và nhà ở xây thô, gồm: Xây thô hoàn thiện mặt trước 411 căn nhà ở liền kề, biệt thự (trong đó: 306 căn liền kề, 83 căn nhà vườn và 22 căn biệt thự); còn lại 672 lô đất được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền và 24 lô đất tái định cư.

d) Quy mô dân số: Khoảng 5.400 người.

e) Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội: Không.

f) Sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án: Đối với hạ tầng trong phạm vi dự án:

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầu tư đồng bộ các công trình theo quy hoạch chi tiết của dự án được duyệt, bao gồm các hạng mục:

+ Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: San nền; hệ thống giao thông (trừ diện tích tuyến đường nối Quốc lộ 10 đi Cầu Bút Sơn đã được đầu tư xây dựng); hệ thống thoát nước mưa, nước thải; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng; Cải tạo lòng sông và kè 2 bên bờ sông Gòong; công viên cây xanh, thể thao, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật đầu mối (khu xử lý nước thải) và cải tạo mặt đường tuyến Đường nối Quốc lộ 10 đi Cầu Bút Sơn: Sau khi đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch được phê duyệt, nhà đầu tư bàn giao lại cho Nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định.

+ Đối với các công trình hạ tầng xã hội (nhà văn hóa): Sau khi đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch và dự án được phê duyệt, nhà đầu tư bàn giao lại cho Nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định.

+ Đối với phần diện tích 2 khu đất tín ngưỡng TN1 diện tích 724 m² và

TN2 diện tích 1.272 m² : Sau khi hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư bàn giao lại cho Nhà nước quản lý và đầu tư theo quy định.

+ Đối với phần diện tích đất quy hoạch là đất cơ quan (CQ-01): Sau khi đầu tư hoàn thành, đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư bàn giao cho Nhà nước để đầu tư xây dựng theo quy định.

+ Đối với phần diện tích đất bố trí tái định cư (TĐC-01, 02, 03, 04 theo quy hoạch): Sau khi đầu tư hoàn thành, đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư bàn giao cho Nhà nước để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất phải di chuyển giải phóng mặt bằng theo quy định.

+ Đối với công trình xây thô nhà ở (LK, BT), dịch vụ thương mại (TM1, TM2, TM3) và trường mầm non (GD-01, GD-02): Nhà đầu tư đầu tư hoàn thành đồng bộ hoàn chỉnh công trình và quản lý vận hành kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Đối với hạ tầng đô thị ngoài phạm vi dự án: Các công trình hạ tầng đô thị ngoài phạm vi dự án do Nhà nước quản lý theo quy định.

2.2. Tổng vốn đầu tư: 1.501.605.736.000 đồng (*bằng chữ: Một nghìn năm trăm lẻ một tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó:

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng): **1.419.694.546.000 đồng** (*Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm mười chín tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (làm tròn): **81.911.190.000 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi một tỷ, chín trăm mười một triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng*).

2.3. Tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án:

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầu tư đồng bộ các công trình theo quy hoạch chi tiết của dự án được duyệt và thực hiện phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án theo chủ trương đầu tư được phê duyệt, bao gồm các hạng mục:

- Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: San nền; hệ thống giao thông (trừ diện tích tuyến đường nối Quốc lộ 10 đi Cầu Bút Sơn đã được đầu tư xây dựng); hệ thống thoát nước mưa, nước thải; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng; Cải tạo lòng sông và kè 2 bên bờ sông Goòng; công viên cây xanh, thể thao, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật đầu mối (khu xử lý nước thải) và cải tạo mặt đường tuyến Đường nối Quốc lộ 10 đi Cầu Bút Sơn: Sau khi đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch được phê duyệt, nhà đầu tư bàn giao lại cho Nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định.

- Đối với các công trình hạ tầng xã hội (nhà văn hóa): Sau khi đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch và dự án được phê duyệt, nhà đầu tư bàn giao lại cho Nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định.

- Đối với phần diện tích 2 khu đất tín ngưỡng TN1 diện tích 724 m² và TN2 diện tích 1.272 m² : Sau khi hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư bàn giao lại cho Nhà nước quản lý và đầu tư theo quy định.

- Đối với phần diện tích đất quy hoạch là đất cơ quan (CQ-01): Sau khi đầu tư hoàn thành, đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư bàn giao cho Nhà nước để đầu tư xây dựng theo quy định.

- Đối với phần diện tích đất bố trí tái định cư (TĐC-01, 02, 03, 04 theo quy hoạch): Sau khi đầu tư hoàn thành, đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà đầu tư bàn giao cho Nhà nước để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất phải di chuyển giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Đối với công trình xây thô nhà ở (LK, BT), dịch vụ thương mại (TM1, TM2, TM3) và trường mầm non (GD-01, GD-02): Nhà đầu tư đầu tư hoàn thành đồng bộ hoàn chỉnh công trình và quản lý vận hành kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2.4. Thời hạn, tiến độ đầu tư: Không quá 05 năm (kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư); dự kiến từ quý III năm 2022 đến quý III năm 2027.

2.5. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa giới hành chính xã Hoàng Đức và thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

2.6. Diện tích khu đất: Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hoá (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hoá) khoảng 47,68 ha (trừ diện tích tuyến đường nối Quốc lộ 10 đi Cầu Bút Sơn đã được đầu tư xây dựng là 1 ha và khu dân cư hiện trạng 875 m²; riêng phần diện tích 2 khu đất tín ngưỡng TN1 diện tích 724 m² và TN2 diện tích 1.272 m², thực hiện công tác GPMB, sau khi hoàn thành GPMB, nhà đầu tư bàn giao lại cho nhà nước quản lý và đầu tư theo quy định).

2.7. Mục đích sử dụng đất: Theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

2.8. Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt:

Theo Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái ven sông Hoàng Hoá (Khu đô thị Aqua city Hoàng Hoá), các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt như sau:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)	Hệ số SDD (lần)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)
A	Đất ở		157.281,80				32,12
1	Đất ở dạng chia lô	LK	117.053,9	80	4	3-5	
2	Đất ở dạng nhà vườn	NV	16.310,10	70	3	2-4	

3	Đất ở dạng nhà biệt thự	BT	20.907,40	60	2,0-4,0	2-3	
4	Đất ở dạng tái định cư	TDC	3.010,40	80	4	3-5	
B	Đất hiện trạng	HT	875,00				0,18
C	Đất công cộng, nhà văn hóa		9.344,00				1,91
1	Đất tín ngưỡng	TN	1.996,00				
2	Đất cơ quan	CQ	6.300,00	60	3	2-5	
3	Đất Nhà văn hóa	NVH	1.048,00	40	0,4	1	
D	Đất cây xanh – TDTT – Bãi đỗ xe	CX-TDTT-BĐX	117.946,00				24,09
1	Cây xanh - Thẻ dực thể thao	CXTT	6.572,00				
2	Cây xanh, cây xanh - Mặt nước	CXMN, CX	55.037,00				
3	Đất sông	S	34.570,00				
4	Bãi đỗ xe	P	21.767,00				
E	Đất giáo dục (Trường mầm non)	GD	3.053,00				0,62
-	Trường mầm non 1	MN1	1.846,00	40	1,2	1-3	
-	Trường mầm non 2	MN2	1.207,00	40	1,2	1-3	
F	Đất thương mại dịch vụ	TM	3.157,00				0,64
-	Đất thương mại dịch vụ 1	TM1	543	80	4	2-5	
-	Đất thương mại dịch vụ 2	TM2	558	80	4	2-5	
-	Đất thương mại dịch vụ 3	TM3	2.056,00	80	4	2-5	
G	Đất giao thông – hạ tầng kỹ thuật		198.021,50				40,44
	Tổng cộng		489.678,30				100,0

2.9. Hiện trạng khu đất:

Khu đất thực hiện dự án có nguồn gốc là đất ở nông thôn, đất chuyên trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản, đất bằng trồng cây hàng năm khác của hộ gia đình, cá nhân và đất giao thông, thủy lợi, đất nghĩa trang, đất nhà văn hóa, đất bằng chưa sử dụng, đất tín ngưỡng do UBND xã Hoàng Đức, UBND thị trấn Bút Sơn quản lý; hiện trạng là đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, nhà văn hóa, nghĩa trang, nghề; trong phạm vi khu đất có mương thủy lợi và đường nội đồng đi qua; khu đất chưa được bồi thường GPMB.

2.10. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: giờ phút, ngày tháng năm 2022.

Mục 2. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm. Nội dung chi tiết theo Chương II - Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Mục 3. Làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

3.1. Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa bằng văn bản hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 05 ngày làm việc để xem xét, xử lý.

3.2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa tiến hành làm rõ và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương này.

Mục 4. Sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

4.1. Trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 10 ngày.

4.2. Trường hợp thời gian thông báo sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng quy định tại Mục 4.1 Chương này, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa thực hiện gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tương ứng để bảo đảm quy định nêu trên. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 6.3 Chương này.

Mục 5. Ngôn ngữ sử dụng

Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa và nhà đầu tư liên quan đến việc mời quan tâm phải được viết bằng ngôn ngữ sau: Tiếng Việt và Tiếng Anh.

Mục 6. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và thời hạn nộp

6.1. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm các biểu mẫu và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

6.2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước giờ, ngày tháng năm 2022.

6.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa có thể gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trong các trường hợp sau đây:

a) Sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư theo quy định tại Mục 4 Chương này. Khi gia hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh

Hóa thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Cần tăng thêm số lượng nhà đầu tư theo quy định tại điểm b Mục 9.2 Chương này. Khi gia hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa gửi thông báo đến tất cả các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thời gian gia hạn thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Mục 7. Sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

7.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

7.2. Sau thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, nhà đầu tư không được rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đã nộp.

Mục 8. Làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

8.1. Làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa hoặc tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Tất cả yêu cầu làm rõ và văn bản làm rõ của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

8.2. Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư và các tài liệu làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nếu có).

Mục 9. Thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư

9.1. Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

9.2. Căn cứ kết quả đánh giá, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, căn cứ tiến độ thực hiện dự án, mục tiêu thu hút đầu tư cũng như các điều kiện cụ thể khác của dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định thực hiện theo một trong hai phương án như sau:

a) Phương án 1: Thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nếu quá trình tổ

chức đã bảo đảm tính công khai, minh bạch, cạnh tranh và dự án có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ;

b) Phương án 2: Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án để các nhà đầu tư tiềm năng khác có cơ hội tiếp cận thông tin và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án nhằm tăng tính cạnh tranh. Thời gian gia hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Sau khi gia hạn, căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thủ tục tiếp theo thực hiện theo quy định tương ứng tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

9.3. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu, việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 108 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư, gồm cả các nhà đầu tư ngoài danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Phương pháp đánh giá

1.1. Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Năng lực tài chính	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽¹⁾ : 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng).
2	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự ⁽²⁾	Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: 01 dự án loại 1. Cách xác định dự án như sau ⁽³⁾ : a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư hoặc dự án phát triển nhà ở mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 07 năm trở lại đây và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Có tổng mức đầu tư tối thiểu là ⁽⁴⁾ 755.000.000.000 đồng.

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p>- Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là ⁽⁵⁾ 115.000.000.000 đồng.</p> <p>b) Loại 2: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư hoặc dự án phát triển nhà ở mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây và có giá trị tối thiểu là ⁽⁶⁾ 390.000.000.000 đồng.</p> <p>c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư hoặc dự án phát triển nhà ở đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây của đối tác đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp với giá trị tối thiểu bằng 650.000.000.000 đồng.</p>

Ghi chú:

(1) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu.

(2) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn: Dự án, gói thầu đã được nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(3) Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

Cách thức quy đổi các dự án: 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng 0,5 dự án thuộc loại 1. Trường hợp số lượng dự án sau khi quy đổi không phải là số nguyên thì làm tròn như sau: Phần thập phân $\leq 0,5$ thì tính bằng 0, phần thập phân $> 0,5$ thì tính bằng 01 dự án.

(4) (5) (6) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư (hoặc giá trị thực hiện công việc xây lắp) trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(*) Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ, tài liệu trong quá trình tham gia thực hiện dự án.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư
2. Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
3. Mẫu số 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
4. Mẫu số 04: Thỏa thuận liên danh

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN

(Địa điểm) ____, ngày __ tháng __ năm __

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

TT	Tên đối tác ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽³⁾	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác ⁽⁴⁾
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]		
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây dựng]		
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]		
				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽³⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

- Một trong các giấy tờ chứng minh năng lực tài chính như: Biên bản kiểm tra quyết toán thuế, Tờ khai tự quyết toán thuế; Tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ___ [ghi tên dự án]

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu: _____
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án _____
4	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính xây lắp
5	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾ : <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình <input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu công trình <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành <input type="checkbox"/> Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư (vốn đầu tư): _____
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh): _____
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động: _____
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phân công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phân công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ

	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu chính
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽³⁾ :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: ___ [ghi tên dự án]

...

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ [*ghi tên dự án*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ___ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ___ [*ghi tên một thành viên*] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc trong quá trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư

có sử dụng đất.

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh ⁽¹⁾[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [Ghi phân công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
	Thành viên 1 [Đứng đầu liên danh]			[tối thiểu 30%]
	Thành viên 2			[tối thiểu 15%]
	Thành viên 3			[tối thiểu 15%]
...				
Tổng			100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;

- Chấm dứt việc công bố danh mục dự án;

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ⁽²⁾

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu

thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh./.